

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **457/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-07-2020

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 172/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V1 – sinh năm 1992

Địa chỉ: 165/80/20A T1, phường T2, quận T3.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Q1 – sinh năm 1989

Địa chỉ: 106/7 L1, phường T2, quận T3.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị V1 và ông Nguyễn Đình Q1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện X1, tỉnh B1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 09/03/2018.

Sau khi kết hôn hai bên về chung sống tại 106/7 L1, phường T2, quận T3. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về cách sống, cách cư xử, ông Q1 thiếu sự quan tâm chăm sóc cho gia đình nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Hai bên sống riêng từ cuối năm 2019 nên không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bà V1 yêu cầu ly hôn với ông Q1 để ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** có 1 trẻ tên Nguyễn Đình Đức A1, sinh ngày 10/06/2018. Hiện nay, bà V1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, lo mọi chi phí, sinh hoạt cho trẻ và trẻ đang sống chung nhà với bà nên bà đề nghị được tiếp tục nuôi trẻ Anh và không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** bà V1 xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà V1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Đình Q1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Q1 khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm Q1 giải quyết

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã P1, huyện X1, tỉnh B1 cấp ngày 09/03/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V1 và ông Nguyễn Đình Q1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà V1 yêu cầu ly hôn, ông Q1 có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bà V1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà V1 và ông Q1 theo qui định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ vào các lời khai của đương sự và biên bản xác minh tại địa phương, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là có thật và hai bên đã sống riêng. Ông Q1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V1

* Về quan hệ con chung: ông Q1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con. Bà V1 đề nghị được tiếp tục nuôi trẻ tên Nguyễn Đình Đức A1, sinh ngày 10/06/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của bà V1 và nội dung phiếu xác minh ngày 11/03/2020 thể hiện trẻ Anh hiện nay đang sống với bà V1, sự phát triển của trẻ bình thường và trẻ Anh dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà V1.

* Về cấp dưỡng: ông Q1 vắng mặt và không trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà V1 không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ của ông Q1 về việc cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà V1 khai không có. Nếu sau này ông Q1 có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Bà V1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị V1 được ly hôn với ông Nguyễn Đình Q1 .

Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã P1, huyện X1, tỉnh B1 cấp ngày 09/03/2018 cho bà Nguyễn Thị V1 và ông Nguyễn Đình Q1 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị V1 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Đình Đức A1, sinh ngày 10/06/2018. Tạm hoãn nghĩa vụ của ông Q1 về việc cấp dưỡng nuôi con do bà V1 không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông Q1 có Q1 và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà V1 khai không có. Nếu sau này ông Q1 có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị V1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà V1 đã nộp theo biên lai thu số 0020380 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm Q1.

3. Q1 kháng cáo: bà V1 và ông Q1 được Q1 kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q1 thỏa thuận thi hành án, Q1 yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Q. Tân Phú;
- Dương sự;
- UBND xã P1, huyện X1, tỉnh B1
- Lưu

Nguyễn Thị Kim Cương